

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2024

“Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Minh Châu
2. Ông Phạm Thiện Bửu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần T, sinh ngày 09/10/1992 (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Võ Q, sinh ngày 17/12/1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp U, xã V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trần T trình bày:

Anh và chị Q cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Vĩnh Long ngày 14/6/2018. Hôn nhân có tình cảm trước, cuộc sống vợ chồng lúc đầu sống rất hạnh phúc, được 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mặc dù cả hai đã tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Từ ngày 21/7/2021 anh và chị Q ly thân cho đến nay, hiện tại chị Q làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh chị cũng không thường gặp mặt, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Dương K, sinh ngày 14/01/2019, hiện cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng và chị Q cũng đồng ý giao con cho anh nuôi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Q có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Huy và thống nhất giao con chung cho anh Huy được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời chị cũng xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng vì hiện do đi làm ăn xa.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn chị Võ Q hiện cư trú tại ấp L, xã V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Võ Q có đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Anh Trần T yêu cầu ly hôn với chị Võ Q. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Huy và chị Q cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Vĩnh Long ngày 14/6/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, được 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tháng 7/2021 vợ chồng ly thân và chị Q lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, giữa vợ chồng không gặp

nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh Huy và chị Q đều thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huy là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh Huy và chị Q chung sống có 01 con chung tên Trần Dương K, sinh ngày 14/01/2019 hiện do anh Huy trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh Huy yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng. Đồng thời, chị Q cũng có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án đồng ý giao con chung cho anh Huy trực tiếp nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Huy là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc dù, chị Q không trực tiếp nuôi con nhưng anh Huy cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung: Anh Huy và chị Q trình bày không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Huy và chị Q trình bày không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

- Anh Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001761 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, anh Huy đã nộp xong.

- Chị Võ Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 39, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần T. Anh Trần T được ly hôn với chị Võ Q.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần T. Anh Trần T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Dương K, sinh ngày 14/01/2019. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Huy không yêu cầu. Anh Huy cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001761 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, anh Huy đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- UBND xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống